ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ TUYẾT VÂN

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG

Chuyên ngành: Du lịch
Mã số: 981010101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

Hà Nội – 2026

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS Nguyễn Thị Vân Hạnh
2. TS. Trịnh Lê Anh

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyên Hồng

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thế Kiên

Phản biện: TS. Vũ Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại . . . . . .

vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Về lý luận

Trong bối cảnh du lịch đương đại, sự tham gia của cộng đồng địa phương (CĐĐP) được xem là một trong những điều kiện cốt lõi bảo đảm cho định hướng phát triển bền vững. Quan điểm này được củng cố qua nhiều nghiên cứu rằng CĐĐP không chỉ là nhóm chịu tác động của hoạt động du lịch, mà còn là chủ thể nắm giữ tài nguyên, giá trị văn hóa, tri thức bản địa và các điều kiện kinh tế, xã hội tạo nên bản sắc độc đáo của điểm đến (Ringo, 2019), (Nkwanyana, 2018), (Jugmohan và c.s., 2016). UN Tourism cũng đã nhấn mạnh rằng phát triển du lịch bền vững cần xem xét đầy đủ tác động kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời đáp ứng lợi ích của cộng đồng bên cạnh lợi ích của du khách và doanh nghiệp (UNEP and UN Tourism, 2005). Cách tiếp cận này cho thấy CĐĐP không phải là một yếu tố phụ trợ, mà là thành phần trung tâm trong cấu trúc phát triển.

Ở góc độ học thuật, các học giả đã chỉ ra rằng sự tham gia của cộng đồng là một khái niệm có ý nghĩa nền tảng nhưng cũng mang tính phức hợp. Các công trình của (Tosun, 2000), (Sebele, 2010), (Müller và c.s., 2020) đã đặt nền tảng quan trọng khi chuyển trọng tâm nghiên cứu từ việc chỉ xem cộng đồng là "người tham gia" sang việc xem xét sâu hơn các điều kiện ủng hộ hoặc cản trở sự tham gia đó. Đặc biệt phù hợp để nghiên cứu trong bối cảnh du lịch nông nghiệp (DLNN), khi đây là loại hình gắn trực tiếp với không gian sản xuất nông nghiệp, sinh kế nông hộ, cảnh quan nông thôn và đời sống văn hóa của cư dân bản địa. Mặt khác, nghiên cứu hệ thống về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN hiện nay vẫn còn hạn chế. Phần lớn các luận giải đề cập vấn đề này chủ yếu được kế thừa hoặc suy diễn từ nhiều kết quả nghiên cứu dưới góc nhìn phát triển du lịch tổng thể (Apipoonyanon et al., 2020; Diyah Setiyorini et al., 2019; Francis Mugizi et al., 2017; Hanim Mohd Salleh, Shafiin Shukor, Othman, Samsudin, Hajar Mohd Idris, et al., 2016; Kadun MT & Nurjaman, 2024; Nguyen Hong, 2020; C. T. T. Phuong et al., 2022; SHUI Wei, 2012), thay vì được kiểm chứng trực tiếp trong bối cảnh DLNN. Vì vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương chưa được nhận diện đầy đủ và chưa phản ánh rõ nét các đặc thù của loại hình du lịch này.

Song song đó, các công bố trước đây thường lý giải sự tham gia của CĐĐP thông qua từng lý thuyết, mô hình nghiên cứu riêng rẽ. Nhiều học giả sử dụng lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory – SET) để giải thích sự tham gia của người dân dựa trên cơ chế so sánh giữa lợi ích và chi phí (Abdollahzadeh & Sharifzadeh, 2012; Alsaloum et al., 2024; V. N. Mai et al., 2023); lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory Planned Behavior – TPB) thì tập trung nhấn mạnh vai trò của thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi tác động đến ý định từ đó dẫn đến hành vi tham gia thực tế của cư dân vào hoạt động du lịch (Apipoonyanon et al., 2020). Hay chăng, lý thuyết dựa trên tài nguyên (Resources-based – RBT) nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố cá nhân cho sự tham gia như nguồn lực vật chất, con người, xã hội (N. T. H. Phuong & Thuy, 2025); trong khi mô hình S-O-R (Stimulus – Organism – Response) làm rõ các điệu kiện bên ngoài tác động đến nhận thức, cảm xúc và phản ứng của cá nhân. Mặc dù mỗi lý thuyết có giá trị giải thích nhất định, nhưng sự tham gia của CĐĐP trong DLNN là một hiện tượng phức hợp, việc chỉ dựa trên mô hình lý thuyết đơn lẻ có thể chưa phản ánh đầy đủ tính đa chiều trong nhận thức và hành vi của cộng đồng. Do đó, yêu cầu xây dựng một khung lý thuyết tích hợp nhằm kết nối các điều kiện nội tại của người dân, nguồn lực sẵn có địa phương và môi trường thể chế mang tính cấp thiết ở hiện tại. Tiếp cận theo hướng này, nghiên cứu không chỉ có khả năng kiểm chứng, mở rộng và giải thích tốt hơn hành vi tham gia của người dân mà còn đóng góp cho việc phát triển các khung phân tích phù hợp với bối cảnh DLNN ở các quốc gia đang phát triển.

Về thực tiễn

Bên cạnh ý nghĩa lý luận, đề tài nghiên cứu này còn xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn rõ ràng trong bối cảnh phát triển hiện nay. Ở Việt Nam, phát triển DLNT, DLNN đang được Nhà nước xác định là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế nông thôn, đa dạng hóa sinh kế, gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp và góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Quyết định Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, 2022). An Giang là một trường hợp điển hình của vùng ĐBSCL, nơi nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế - xã hội và DLNN đang

được xem là hướng đi nhiều triển vọng. Dựa vào những lý do trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu "*Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang*" là cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang, từ đó đưa ra những khuyến nghị có liên quan nhằm tăng cường, thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của cộng đồng địa phương.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án đặt ra những nhiệm vụ cụ thể:

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về sự tham gia của CĐĐP trong DLNN, thông qua quá trình tổng quan các nguồn tài liệu trên thế giới và ở Việt Nam có liên quan đến DLNN, sự tham gia của CĐĐP, sự tham gia của CĐĐP trong du lịch, sự tham gia của CĐĐP trong DLNN, các thuyết và mô hình nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia;

Đề xuất mô hình và đặt giả thuyết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN, thông qua tham khảo ý kiến chuyên gia để hoàn thiện thang đo nghiên cứu;

Thực hiện khảo sát thực trạng tham gia của CĐĐP tại các địa bàn triển khai DLNN và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đó;

Kiểm định mô hình đề xuất và đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố đến sự tham gia DLNN của người dân địa phương dựa trên phân tích PLS-SEM;

Bàn luận kết quả và đề xuất các hàm ý nghiên cứu nhằm tăng cường và thúc đẩy sự tham gia chủ động của CĐĐP trong DLNN tỉnh An Giang hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án sẽ tập trung trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang?

Câu hỏi 2: Mức độ và chiều hướng tác động của các yếu tố này

đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang như thế nào?

Câu hỏi 3: Cơ chế tác động của các yếu tố đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang được thể hiện như thế nào?

4. Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN tỉnh An Giang.

Khách thể nghiên cứu tập trung chủ yếu ở 4 dân tộc Khmer, Kinh, Chăm và Hoa hiện đang sinh sống trên các địa bàn khảo sát đã được chọn.

5. **Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nội dung: Sự tham gia của CĐĐP trong hoạt động du lịch là một chủ đề có nội hàm đa chiều, liên quan đến vai trò, hình thức/mức độ tham gia, nhận thức/ thái độ tham gia, trao quyền...Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN.

Không gian nghiên cứu: Các địa phương trong tỉnh An Giang gồm: xã Mỹ Hòa Hưng, phường Châu Đốc, phường Vĩnh Tế, xã Châu Phong, xã Cù Lao Giêng, xã Vĩnh Hậu, xã An Cư, xã Núi Cấm và xã Phú Tân.

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện trong 4 năm từ năm 2022 đến năm 2026. Dữ liệu thứ cấp có liên quan được thu thập và cập nhật đến hết năm 2025. Dữ liệu sơ cấp được tiến hành thu thập từ tháng 02/2025 đến tháng 08/2025, quá trình điền dã, quan sát được thực hiện từ tháng 11/2023 đến tháng 08/2025.

6. Giới thiệu phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (định tính và định lượng). Nghiên cứu định tính được sử dụng để phát hiện khoảng trống lý luận, kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, đề xuất mô hình nghiên cứu và thang đo. Phương pháp này còn được dùng để phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng. Song song đó, nghiên cứu định lượng được thực hiện để đánh giá, đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Nghiên cứu định lượng chính thức được thực hiện trong 3 giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 6/2025, thu về được 564 phiếu khảo sát người dân địa phương thông qua khảo sát trực tiếp. Dữ liệu được phân tích thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS

26 và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) dựa trên cách tiếp cận bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) bằng phần mềm SmartPLS 4.1.

7. Đóng góp của luận án

7.1 Đóng góp về mặt khoa học

Nghiên cứu góp phần bổ sung, phát triển lý luận về sự tham gia của CĐĐP trong DLNN.

Luận án bổ sung thêm mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN trên cơ sở áp dụng lý thuyết trao đổi xã hội (SET), lý thuyết vốn xã hội, mô hình S-O-R, mô hình MOA.

Luận án xác định được những yếu tố quan trọng mà người dân quan tâm khi tham gia DLNN.

7.2 Đóng góp về mặt thực tiễn

Nghiên cứu cung cấp các kiến thức tổng quan về loại hình DLNN, thực trạng phát triển loại hình này, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP tại địa bàn tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó, các cơ quan ban ngành hiểu hơn về những rào cản, động lực tham gia từ đó xây dựng chiến lược và chính sách phù hợp nhằm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động của họ trong hoạt động DLNN.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu thành 5 chương, cụ thể: Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về sự tham gia của CĐĐP trong DLNN; Chương 2: Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu; Chương 3: Bối cảnh và phương pháp nghiên cứu; Chương 4: Kết quả nghiên cứu; Chương 5: Thảo luận kết quả và hàm ý nghiên cứu

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

1.1 Tình hình nghiên cứu sự tham gia của CĐĐP trong DLNN trên thế giới

1.1.1 Thông tin chung về dữ liệu nghiên cứu sự tham gia của CĐĐP trong DLNN

Những nghiên cứu sơ khai về sự tham gia của CĐĐP trong DLNN đã đăng tải trên 02 nguồn dữ liệu Scopus và Web of Science bắt đầu

từ năm 1995 và kéo dài cho đến nay với tỷ lệ tăng trưởng hàng năm là 8.83% đã chứng tỏ được sức hút của chủ đề này trong giới học thuật trên thế giới (Barbieri, 2020). Tính đến thời điểm thực hiện thống kê ngày 21/07/2025 có 717 nghiên cứu từ 520 nguồn đã được công bố với sự tham gia của 2,279 học giả. Các nghiên cứu này đã tham khảo 22,678 tài liệu có liên quan, góp phần mở rộng thêm sự hiểu biết về chủ đề sự tham gia của người dân địa phương trong DLNN. Trung bình các ấn phẩm nghiên cứu đã được công bố có sự tham gia của trên 3 tác giả và tỷ lệ hợp tác quốc tế giữa các tác giả là 16.6% thể hiện xu hướng mở rộng hợp tác nghiên cứu giữa các quốc gia với nhau, từ đó tạo ra nhiều bài báo có giá trị được thể hiện thông qua trung bình trích dẫn trên mỗi tài liệu là 9.007.

1.1.2. Kết quả phân tích trắc lượng thư mục

Thực hiện phân tích trắc lượng thư mục được thể hiện qua: số lượng tài liệu công bố, phân bố các quốc gia nghiên cứu, tiến trình phát triển nghiên cứu, mạng lưới đồng trích dẫn, từ khóa nghiên cứu, phân tích cấu trúc khái niệm, xu hướng chủ đề nghiên cứu, cấu trúc khái niệm thể hiện sự tiến hóa của chủ đề nghiên cứu. Các kết quả này giúp luận án có cơ sở để đưa ra được các đánh giá quan trọng, toàn diện về sự tham gia của CĐĐP trong DLNN và xu hướng nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đó.

1.2 Tình hình nghiên cứu sự tham gia của CĐĐP trong DLNN tại Việt Nam

Các tài liệu trong nước được tìm kiếm qua công cụ Google Scholar, hệ thống cơ sở dữ liệu công bố khoa học của Bộ Khoa học và Công nghệ và các nguồn uy tín khác, kết quả thu được 48 tài liệu. Các nghiên cứu về sự tham gia của CĐĐP chủ yếu được nghiên cứu trong bối cảnh du lịch nói chung, tiếp đến là loại hình du lịch cộng đồng, và bắt đầu mở rộng hướng tiếp cận sang các loại hình du lịch mới như DLNT, DLNN. Các nghiên cứu tập trung trong việc khẳng định vai trò, tầm quan trọng của sự tham gia; các khía cạnh cấu thành của sự tham gia; đo lường mức độ tham gia và động lực cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia.

1.3 Các hướng nghiên cứu chính về sự tham gia của CĐĐP

Từ việc tổng quan các công trình trong và ngoài nước, luận án tổng hợp được 4 chủ đề chính là: 1) quan điểm về sự tham gia của cộng đồng địa phương, 2) hình thức và vai trò tham gia của cộng đồng

địa phương, 3) nhận thức và thái độ của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch; và 4) động lực và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương.

1.4 Những mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong du lịch

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng cũng như thang đo sự tham gia, luận án đã tổng quan một số mô hình nghiên cứu như: mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của CĐĐP trong phát triển du lịch làng nghề của (Đặng Thành Thứ, Nguyễn Thị Minh Hiền, Quyền Đình Hà, 2024), mô hình nghiên cứu ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động DLNN của nông dân (Dinh Phi Ho và cộng sự, 2022), mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia của người dân địa phương trong du lịch cộng đồng (Nguyen Thi Quynh Huong và cộng sự, 2021),mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động kinh doanh có liên quan đến du lịch (Mokhtarulbari & Mhd Rashid, 2024), mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình trong quản lý rừng cộng đồng (Apipoonyanon và c.s., 2020).

1.5 Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, cần một cấu trúc có khả năng phân biệt nhưng đồng thời tích hợp các điều kiện nội tại của người dân, mạng lưới quan hệ xã hội cũng như các điều kiện hỗ trợ từ môi trường bên ngoài như nguồn lực địa phương, cơ chế chính sách đối với sự tham gia trong DLNN. *Thứ hai*, phần lớn các nghiên cứu tập trung xác định yếu tố nào có ảnh hưởng và mức độ tác động đến sự tham gia, trong khi cơ chế chuyển hóa các điều kiện này thành hành vi chưa được làm rõ đầy đủ. Do đó khoảng trống cần tiếp tục làm rõ là vai trò trung gian của nhận thức lợi ích và sự tồn tại đồng thời của các tác động trực tiếp và gián tiếp . *Thứ ba*, cần tiếp cận sự tham gia như một cấu trúc phản ánh mức độ và hành vi tham gia thực tế, phù hợp hơn với đặc điểm đa dạng của sự tham gia trong DLNN. *Thứ tư*, cần có nghiên cứu thực nghiệm trong bối cảnh DLNN tỉnh An Giang, kết hợp định lượng và định tính để vừa kiểm định các mối quan hệ, vừa giải thích những điều kiện thực tiễn chi phối sự tham gia của CĐĐP.

Tiểu kết chương 1

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Các khái niệm nghiên cứu liên quan

2.1.1 Du lịch nông nghiệp

2.1.1.1 Khái niệm du lịch nông nghiệp

Thuật ngữ du lịch nông nghiệp được hiểu đơn giản là sự kết hợp cùng lúc hai lĩnh vực kinh tế của thế giới: nông nghiệp – một trong những ngành kinh tế lâu đời nhất nhưng đang phải đối diện với thực trạng suy giảm số lượng việc làm và du lịch – một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất (Jafar Jafari, 2016).

2.1.1.2 Phân loại mô hình du lịch nông nghiệp

Để thuận lợi trong việc xác định các địa bàn nghiên cứu phù hợp ở chương tiếp theo, việc tìm hiểu các phân loại mô hình du lịch nông nghiệp là cần thiết. Trong giới hạn nghiên cứu này, những tiêu chí thường được được sử dụng để phân loại bao gồm: *tính xác thực của bối cảnh hoạt động nông nghiệp; bản chất của việc tiếp xúc giữa hoạt động du lịch và nông nghiệp và mức độ chân thực trong trải nghiệm của du khách.*

2.1.2 Cộng đồng địa phương

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, định nghĩa cộng đồng của (Mattessich et al, 1997) đề cập đến "*những người sống trong một khu vực được xác định về mặt địa lý, có mối quan hệ xã hội và tâm lý với nhau và với nơi họ sống*" được xem xét sử dụng khi đề cập đến thuật ngữ này.

2.1.3 Sự tham gia

Luận án tiếp cận đồng thời định nghĩa tham gia như là *phương tiện* để hiểu rõ quá trình tham gia hoặc các điều kiện cho phép sự tham gia của người dân và *kết quả* đề cập đến mức độ tham gia của họ (Hung et al., 2010). Việc tích hợp hai luồng khái niệm nghiên cứu là cần thiết giúp nhận diện được các yếu tố hỗ trợ hay cản trở sự tham gia và ảnh hưởng của chúng đối với hành vi tham gia của các thành viên cộng đồng. *Do vậy khái niệm sự tham gia trong luận án này được hiểu là quá trình và mức độ mà cộng đồng địa phương dựa trên các điều kiện cho phép, có thể tham gia và tác động vào các hoạt động phát triển du lịch tại địa phương*.

2.2 Các lý thuyết và mô hình áp dụng trong luận án

2.2.1 Lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory – SET)

Trao đổi xã hội (Social Exchange Theory – SET) là một trong những lý thuyết có nguồn gốc từ các nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý và xã hội học, được sử dụng rộng rãi để giải thích hành vi của *cá nhân* và *nhóm* trong quan hệ xã hội dựa trên nguyên tắc trao đổi lợi ích, chi phí, sự phụ thuộc, quyền lực, niềm tin và tính có đi có lại. Khởi xướng và đặt nền tảng ban đầu cho SET là nghiên cứu của (Homans, 1958) sau đó (P. M. Blau, 1964) tiếp tục mở rộng SET và (Emerson, 1976) đã hệ thống hóa SET như một khung lý thuyết nhấn mạnh sự phụ thuộc và quyền lực trong quan hệ trao đổi, qua đó cho thấy trao đổi xã hội không phải lúc nào cũng diễn ra giữa các chủ thể ngang bằng, mà thường chịu ảnh hưởng bởi khả năng kiểm soát nguồn lực của từng bên. Trong luận án này, lý thuyết SET để phân tích sự tham gia của CĐĐP theo một cách toàn diện từ việc đo lường nhận thức lợi ích, phân tích các yếu tố, điều kiện tác động để chuyển hóa nhận thức lợi ích thành hành vi tham gia thực tế.

2.2.2 Mô hình MOA (Motivation – Opportunity – Ability)

Mô hình động lực (M – Motivation) – cơ hội (O – Opportunity) - khả năng (A- Ability) lần đầu tiên được đề xuất bởi các học giả nghiên cứu cứu hành vi người tiêu dùng với mục đích giải thích các điều kiện cần thiết để cá nhân có thể xử lý thông tin và thực hiện hành vi (MacInnis & Jaworski, 1989). Trong luận án, vai trò của MOA như một công cụ để nhận diện các rào cản và năng lực đối với sự tham gia.

2.2.3 Lý thuyết vốn xã hội (Social Capital Theory)

Trong du lịch, lý thuyết vốn xã hội cung cấp một khung phân tích quan trọng để lý giải sự khác biệt trong khả năng và mức độ tham gia của CĐĐP. Hoạt động du lịch nói chung thường đòi hỏi sự tương tác giữa các chủ thể như giữa người dân với các thành viên khác trong cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, hợp tác xã, doanh nghiệp… Do đó, mạng lưới quan hệ, mức độ tin cậy và khả năng huy động sự hỗ trợ từ các quan hệ này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận thông tin, nguồn lực và cơ hội tham gia du lịch của người dân (Hwang & Stewart, 2017a; Jones, 2005; Zhao et al., 2011).

2.2.4 Mô hình S-O-R (Stimulus – Organism – Response)

Mô hình S-O-R (Stimulus – Organism – Response) có nguồn gốc từ lĩnh vực tâm lý học môi trường được (Mehrabian & Russell, 1974)

giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1974. Mô hình S-O-R không chỉ được sử dụng để nghiên cứu hành vi của khách du lịch mà còn của cộng đồng địa phương trong việc tham gia du lịch (Erul và c.s., 2024).

2.3 Đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các lý thuyết và mô hình đã nêu, kết hợp với quá trình tổng quan tài liệu nghiên cứu để nhận diện các yếu tố và xin ý kiến chuyên gia, luận án đã đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp, bao gồm: vốn cá nhân, vốn xã hội, nguồn lực địa phương, cơ chế chính sách và nhận thức lợi ích (hình 2.1).

Các giả thuyết nghiên cứu được phát triển gồm:

H1: Vốn cá nhân có tác động tích cực đến nhận thức lợi ích khi tham gia du lịch nông nghiệp của người dân địa phương.

H2: Vốn cá nhân có tác động tích cực đến sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch nông nghiệp.

H3: Vốn xã hội có tác động tích cực đến nhận thức lợi ích khi tham gia du lịch nông nghiệp của người dân địa phương.

H4: Vốn xã hội có tác động tích cực đến sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch nông nghiệp.

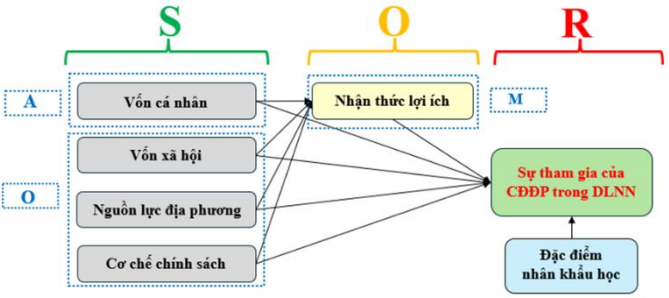
H5: Nhận thức về nguồn lực địa phương có tác động tích cực đến cảm nhận lợi ích khi tham gia du lịch nông nghiệp của người dân địa phương.

H6: Nhận thức về nguồn lực địa phương có tác động tích cực đến sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch nông nghiệp.

H7: Nhận thức về cơ chế chính sách có tác động tích cực đến cảm nhận lợi ích khi tham gia du lịch nông nghiệp của người dân địa phương.

H8: Nhận thức về cơ chế chính sách có tác động tích cực đến sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch nông nghiệp.

H9: Nhận thức lợi ích có tác động tích cực đến sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch nông nghiệp.



Hình 2.1. Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN

(*Nguồn: Tác giả đề xuất*)

Tiểu kết chương 2

CHƯƠNG 3. BỐI CẢNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

3.1.1 Lợi thế về vị trí địa lý tỉnh An Giang

An Giang có vị trí địa lý tương đối thuận lợi và sự hỗ trợ về mặt chính sách để liên kết phát triển với các trung tâm phát triển lớn trong và ngoài nước, vị trí đầu nguồn của tỉnh cũng rất thuận lợi để phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nước ngọt và triển khai đa dạng loại hình du lịch trong đó có du lịch nông nghiệp.

3.1.2 Cơ hội và thách thức phát triển loại hình du lịch nông nghiệp

Lợi thế lớn của tỉnh An Giang là có diện tích khá rộng, đứng thứ tư (sau các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau và Long An) trong số 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với 352.779.9 ha, trong đó đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp là 292.541,6 ha chiếm 82,92% (Giang, 2025). Tuy nhiên hiện nay quy mô dân số trung bình và dân số nông thôn trung bình của tỉnh đã giảm liên tục trong vòng 12 năm trở lại đây (tính từ giai đoạn thống kê 01/2013 – 12/2024), chủ yếu giảm ở khu vực nông thôn (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, 2022), bên cạnh đó còn có những thách thức bên trong của nền nông nghiệp quảng canh rủi ro, thiếu hiệu quả; Quy mô nông nghiệp manh mún, năng suất lao

động thấp; Mô hình sản xuất nông hộ chậm đổi mới; Đầu tư vào nông nghiệp hạn chế và đời sống kinh tế người nông dân bấp bênh (Viên, 2020).

3.1.3 Thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang

Loại hình du lịch nông nghiệp đã được tỉnh An Giang triển khai khá sớm và được chia thành 2 giai đoạn. Trong khoảng thời gian đầu sau khi dự án Phát triển Du lịch nông nghiệp của Hội nông dân Hà Lan kết thúc giai đoạn 02, hoạt động du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang vẫn tiếp tục phát triển dưới sự điều phối của Hội nông dân tỉnh An Giang và chịu sự quản lý trực tiếp từ Trung tâm du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên, từ năm 2016 cho đến 12/2023, tình hình hoạt động du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang đã có những bước lùi so với những kết quả đã đạt được trong các giai đoạn dự án triển khai. Xuất phát từ các nguyên nhân sau: sự thay đổi cơ quan chủ quản, thiếu kết nối trực tiếp giữa người dân tham gia du lịch và doanh nghiệp du lịch, hạn chế của cộng đồng địa phương, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động truyền thông, tiếp thị và quảng cáo chưa hiệu quả.

3.2 Thiết kế nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

3.2.1 Thiết kế nghiên cứu

Trong phạm vi của luận án với mục tiêu xác định các yếu tố nào có ảnh hưởng đến quyết định tham gia của cộng đồng trong du lịch nông nghiệp, vừa đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố tiền đề tới sự tham gia của người dân, qua đó đưa ra những nhận định phù hợp với thực trạng của vấn đề nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị có liên quan. Việc sử dụng kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng với thiết kế phương pháp hỗn hợp tuần tự có giải thích (explanatory sequential design) đã được tác giả cân nhắc và quyết định lựa chọn để thực hiện tiếp cận nghiên cứu.

3.2.2 Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo 04 giai đoạn, gồm:

Giai đoạn 1: Tổng quan tài liệu, xác định khoảng trống nghiên cứu, xác định cơ sở lý luận

Giai đoạn 2: Nghiên cứu định lượng sơ bộ

Giai đoạn 3: Nghiên cứu định lượng chính thức

Giai đoạn 4: Bàn luận kết quả nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính

3.3 Phương pháp nghiên cứu

3.3.1 Tổng quan nghiên cứu bán hệ thống

Phương pháp này giúp tổng quan tài liệu một cách toàn diện, nhận diện các chủ đề và khoảng trống nghiên cứu. Kết quả đã tìm được 806 tài liệu tiếng Anh và tiếng Việt (59 tài liệu trên Scopus, 673 tài liệu trên WOS, 49 tài liệu trên Nasati, 25 tài liệu trên Google Scholar) về sự tham gia, cộng đồng địa phương, du lịch nông nghiệp.

3.3.2 Phương pháp nghiên cứu định tính

Các phương pháp phỏng vấn chuyên sâu, thảo luận nhóm, khảo sát thực địa, thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp được sử dụng để khám phá các yếu tố ảnh hưởng, hoàn thiện thang đo lường và nhận diện vấn đề nghiên cứu.

3.3.3 Phương pháp nghiên cứu định lượng

Khảo sát bằng bảng câu hỏi, được sử dụng trong nghiên cứu này. Nhờ quá trình nghiên cứu tổng quan, khảo sát thực địa, phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm du khách, luận án đã xây dựng thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN gồm 4 thang đo biến độc lập (20 biến quan sát), 1 thang đo biến trung gian (5 biến quan sát) và 1 thang đo biến phụ thuộc (4 biến quan sát). Các thang đo này được cấu trúc thành bảng hỏi để khảo sát định lượng sơ bộ.

Mô hình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần PLS-SEM được sử dụng trong nghiên cứu này. Đánh giá mô hình đo lường và mô hình cấu trúc thực hiện bằng phần mềm SmartPLS 4.1. Phân tích thống kê mô tả và phân tích khác biệt trung bình One-way ANOVA thực hiện trên phần mềm SPSS 26.

3.3.4 Nghiên cứu định lượng sơ bộ

Luận án tiến hành khảo sát định lượng sơ bộ nhằm đánh giá độ tin cậy và các tiêu chuẩn của thang đo trước khi nghiên cứu chính thức. Kết quả cho thấy các thang đo đều đảm bảo các tiêu chí theo cách tiếp cận PLS-SEM.

3.3.5 Nghiên cứu định lượng chính thức

Trong nghiên cứu định lượng chính thức, đề tài đã sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 564 người dân địa phương, được thu thập bằng hình thức trực tiếp.

3.4 Đặc điểm địa phương điều tra, khảo sát

Các địa phương trong tỉnh An Giang gồm: xã Mỹ Hòa Hưng, phường Châu Đốc, phường Vĩnh Tế, xã Châu Phong, xã Cù Lao

Giêng, xã Vĩnh Hậu, xã An Cư, xã Núi Cấm và xã Phú Tân.

Tiểu kết chương 3

CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Kết quả nghiên cứu định lượng chính thức

4.1.1 Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

Cộng đồng địa phương tham gia khảo sát có đặc điểm đa dạng về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, thời gian sinh sống tại địa phương, số lượng thành viên trong gia đình, nguồn thu nhập chính của hộ gia đình, thu nhập trung bình hàng tháng của hộ, nghề nghiệp và diện tích đất ờ và đất sản xuất của hộ gia đình.

4.1.2 Sự tham gia du lịch nông nghiệp của cộng đồng địa phương

Nhằm đánh giá mức độ tham gia DLNN của CĐĐP tại tỉnh An Giang, nghiên cứu sử dụng thang đo gồm 4 chỉ báo, phản ánh các hình thức và mức độ tham gia cụ thể người dân trong hoạt động DLNN.

Bảng Error! No text of specified style in document.**.1 Sự tham gia du lịch nông nghiệp của cộng đồng địa phương**

STT	Chỉ báo	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Tham chiếu
1	Ông/bà có tham gia vào các khóa học, tập huấn liên quan đến du lịch nông nghiệp tại địa phương.	1.99	1.205	Hiếm khi
2	Ông/bà có tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch nông nghiệp.	2.31	1.346	Thỉnh thoảng
3	Ông/bà có tham gia vào việc biểu quyết lựa chọn các kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp đã được đề xuất tại địa phương	1.89	1.214	Hiếm khi
4	Ông/bà có tham gia giám sát và kiểm soát các dự án phát triển du lịch nông nghiệp ở địa phương.	1.80	1.199	Không bao giờ

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án, 2025)

4.1.3. Kết quả kiểm soát sai lệch phương pháp chun

Do dữ liệu nghiên cứu của luận án được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc tại cùng một thời điểm trong tháng 5-6/2025 và từ cùng một nhóm đối tượng khảo sát là cộng đồng địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang, sai lệch phương pháp chung (Common Method Bias – CMB hay Common Method Variance - CMV) có thể phát sinh và ảnh hưởng đến ước lượng các mối quan hệ trong mô hình. Vì vậy, nghiên cứu tiến hành kiểm tra CMB nhằm đánh giá mức độ tác động tiềm tàng của phương pháp thu thập dữ liệu đến kết quả phân tích. Kết quả kiểm soát thống kê, kết luận rằng sai lệch phương pháp chung, nếu có, không gây tác động nghiêm trọng và không ảnh hưởng đáng kể đến độ tin cậy của các kết quả phân tích trong nghiên cứu.

4.1.4 Kết quả đánh giá mô hình đo lường kết quả

Kết quả đánh giá cho thấy mô hình đo lường đảm bảo các tiêu chí cần thiết về chất lượng biến quan sát, độ tin cậy và giá trị hội tụ, giá trị phân biệt, do đó có thể tiến hành đánh giá mô hình cấu trúc.

4.1.5 Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc

4.1.5.1 Kiểm tra đa cộng tuyến của các biến độc lập

Kết quả bảng cho thấy các giá trị VIF của các khái niệm đều nằm trong khoảng từ 1,245 đến 2,580 và đều nhỏ hơn 3,0 (J. F. Hair và c.s., 2017)). Như vậy, thang đo được dự báo là không gặp vấn đề đa cộng tuyến.

4.1.5.2 Đánh giá ý nghĩa các quan hệ tác động trong mô hình

Nghiên cứu áp dụng phân tích bootstrap với 10.000 quan sát và khoảng tin cậy 95% nhằm ước lượng các hệ số đường dẫn và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy đa số các giả thuyết đều được ủng hộ bởi dữ liệu, giả thuyết H5, H6, H7, H9 không được chấp nhận với mức ý nghĩa 5%.

Bảng 4.8. Kiểm định giả thuyết mối quan hệ tác động của các biến trong mô hình

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số tác động chuẩn hóa	P values	Kết luận
H1	**PR -> PB**	0,209	0,000	Chấp nhận
H2	**PR -> PCA**	0,392	0,000	Chấp nhận
H3	**SC -> PB**	0,153	0,018	Chấp nhận

H4	**SC -> PCA**	0,231	0,000	Chấp nhận
H5	**LR -> PB**	0,091	***0,098***	Bác bỏ
H6	**LR -> PCA**	0,004	***0,882***	Bác bỏ
H7	**MP -> PB**	0,075	***0,217***	Bác bỏ
H8	**MP -> PCA**	0,264	0,000	Chấp nhận
H9	**PB -> PCA**	-0,076	0,008	Bác bỏ

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án, 2025)

4.1.5.3 Đánh giá hệ số xác định R^2

Giá trị R^2 hiệu chỉnh của sự tham gia (PCA) DLNN bằng 0,564 có hàm ý rằng các biến độc lập trong mô hình gồm nhận thức về lợi ích (PB), vốn cá nhân (PR), vốn xã hội (SC), cơ chế chính sách (MP) giải thích được 56,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc PCA. Điều này chứng minh rằng có một phần lớn sự biến đổi của sự tham gia (PCA) DLNN được giải thích bởi các yếu tố liên quan đến vốn cá nhân, vốn xã hội, cơ chế chính sách và nhận thức về lợi ích. Bên cạnh đó, R^2 hiệu chỉnh của nhận thức về lợi ích (PB) bằng 0,191 có hàm ý rằng các biến độc lập trong mô hình gồm vốn cá nhân (PR), vốn xã hội (SC) giải thích được 19,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc PB. Kết quả này cho thấy rằng có một phần nhỏ sự biến đổi của nhận thức về lợi ích (PB) được giải thích bởi các yếu tố liên quan đến vốn cá nhân, vốn xã hội. Mặc dù giá trị R^2 chỉ đạt 0,191 mức độ giải thích này vẫn được xem là chấp nhận được trong bối cảnh nghiên cứu hành vi xã hội, nơi nhận thức chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố ngoài mô hình

4.1.5.4 Đánh giá hệ số tác động (f^2)

Kết quả đánh giá hệ số tác động f^2 cho thấy các biến giải thích đều có ý nghĩa thống kê đến PCA. Tuy nhiên, mức độ đóng góp vào khả năng giải thích của mô hình nhìn chung còn hạn chế. Cụ thể, MP (f^2 = 0,074; p-value - 0,001) và SC ((f^2 = 0,048; p-value - 0,006) có hiệu quả tác động thấp, cho thấy vai trò đóng góp tương đối nhỏ vào R^2 của PCA. Trong khi đó, PR với f^2 = 0,168; p-value - 0,000 phản ánh hiệu quả tác động trung bình và là yếu tố có vai trò nổi bật hơn trong việc nâng cao khả năng giải thích của PCA.

4.1.5.5 Đánh giá năng lực dự báo ngoài mẫu (Q^2)

Kết quả đánh giá năng lực dự báo ngoài mẫu (Q^2) thông qua kỹ thuật PLSpredit đối với phiên bản 4.1 cho thấy cả hai biến phụ thuộc đều có giá trị (Q^2) dương, khẳng định mô hình có khả năng dự báo

ngoài mẫu. Trong đó, (Q^2) của PB là 0,181 phản ánh năng lực dự báo ở mức yếu, với sai số dự báo tương đối lớn (RMSE = 0,910; MAE = 0,676) cho thấy độ chính xác dự báo đối với biến này còn hạn chế. Nhưng với biến PCA có (Q^2) là 0,557, vượt ngưỡng 0,35 thể hiện năng lực dự báo ngoài mẫu mạnh, đồng thời sai số dự báo thấp hơn (RMSE = 0,669; MAE = 0,519) cho thấy mô hình dự báo PCA hiệu quả hơn so với PB.

4.1.6 Kiểm định vai trò biến trung gian

Kết quả kiểm định vai trò của biến trung gian PB cho thấy các tác động gián tiếp từ LR (β = -0,007; p-value = 0,180), MP (β = -0,006; p-value = 0,292), SC (β = -0,012; p-value = 0,122) đến PCA thông quan PB đều không có ý nghĩa thống kê, kết quả này cho thấy PB không đóng vai trò trung gian trong các mối quan hệ này. Ngược lại, tác động gián tiếp PR -> PB -> PCA (β = -0,016; p-value = 0,027) có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5% qua đó xác nhận vai trò trung gian của PB trong mối quan hệ giữa PR và PCA. Do tác động trực tiếp giữa PR và PCA vẫn có ý nghĩa và mang dấu dương (β = 0,392; p-value = 0,000) trong khi tác động gián tiếp thông qua PB mang dấu âm đã phản ánh dạng trung gian cạnh tranh (competitive mediation) trong đó PB làm suy giảm một phần tác động tích cực trực tiếp của PR lên PCA.

4.1.7 Kiểm định bổ sung về độ bền, tính phi tuyến và nội sinh của mô hình nghiên cứu

Nhằm đánh giá mức độ ổn định của các kết luận cấu trúc, nghiên cứu tiếp tục tiến hành thực hiện các kiểm định độ bền và phân tích độ nhạy nhằm xem xét mức độ ổn định của các quan hệ cấu trúc dưới những đặc tả mô hình khác nhau. Các phân tích tiến hành thực hiện bao gồm: *1)* đối chiếu các hệ số đường dẫn và năng lực giải thích giữa mô hình cơ sở và các đặc tả mở rộng; *2)* kiểm tra khả năng tồn tại quan hệ phi tuyến; và *3)* kiểm tra nội sinh bằng Gaussian Copula theo từng phương trình cấu trúc. Mô hình tuyến tính ban đầu (M0) được sử dụng làm mốc tham chiếu, trong khi các mô hình mở rộng chỉ bổ sung đặc tả cần kiểm tra. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá độ ổn định của toàn bộ mô hình, đồng thời làm rõ trường hợp nhận thức lợi ích tác động đến sự tham gia do quan hệ này xuất hiện sự thay đổi dấu giữa tương quan zeo-order và hệ số tác động riêng.

4.1.8 Kiểm định khác biệt trung bình One-way Anova

Phân tích khác biệt trung bình One-way Anova trong SPSS cho thấy độ tuổi, trình độ học vấn, thời gian sinh sống tại điạp hương, nguồn thu nhập chính, trung bình thu nhập hộ gia đình, nghề nghiệp và diện tích đất sử dụng có khác biệt về sự tham gia du lịch nông nghiệp.

4.2 Kết quả nghiên cứu định tính bổ sung

4.2.1 Xác định cỡ mẫu và thu thập dữ liệu

Theo thiết kế nghiên cứu đã trình bày trong phần phương pháp, luận án sử dụng nghiên cứu định tính nhằm bổ sung, diễn giải các kết quả định lượng. Nghiên cứu tiến hành 16 cuộc phỏng vấn chuyên sâu với 03 nhóm cư dân địa phương chưa tham gia, có dự định và đã tham gia cung cấp bất kỳ sản phẩm, dịch vụ DLNN.

4.2.2 Đặc điểm nhóm cộng đồng địa phương tham gia phỏng vấn chuyên sâu

Trong tổng số 16 cư dân địa phương đồng ý tham gia phỏng vấn chuyên sâu nhằm tìm hiểu nhận thức về lợi ích, kinh nghiệm và quan điểm của họ đối với hoạt động DLNN trên địa bàn thì có 14 nam và 02 nữ, độ tuổi trong khoảng từ 28 đến 70 tuổi.

4.2.3 Kết quả phỏng vấn chuyên sâu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp

Kết quả 16 cuộcphỏng vấn chuyên sâu cộng đồng địa phương tập trung tìm hiểu sâu hơn vào các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia du lịch nông nghiệp đã xác định trong nghiên cứu định lượng. Qua đó kết quả tập trung tìm hiểu về: vốn cá nhân, vốn xã hội, nguồn lực địa phương, cơ chế chính sách, nhận thức lợi ích.

Tiểu kết chương 4

CHƯƠNG 5. THẢO LUẬN KẾT QUẢ VÀ HÀM Ý NGHIÊN CỨU

5.1 Thảo luận kết quả nghiên cứu

5.1.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang

Câu hỏi nghiên cứu đầu tiên là "*Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN tỉnh An Giang*?". Để trả lời câu hỏi này một cách toàn diện, việc lựa chọn và phát triển mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN cần xuất phát đồng thời từ *(1)* các lý thuyết nền tảng nhằm lý giải hành vi tham

gia của cư dân trong hoạt động du lịch; *(2)* bằng chứng thực nghiệm trong các nghiên cứu có liên quan đã công bố trước đó và *(3)* đặc thù bối cảnh DLNN tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu đã xác định 4 yếu tố gồm: vốn cá nhân, vốn xã hội, nguồn lực địa phương và cơ chế chính sách như các điều kiện nền tảng giải thích khả năng, động lực, mức độ sẵn sàng tham gia của cư dân, đồng thời đưa yếu tố nhận thức lợi ích vào vai trò biến trung gian, nhằm giúp làm rõ cơ chế chuyển hóa từ các điều kiện nền sang hành vi tham gia thực tế.

5.1.2 Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang

Để trả lời cho câu hỏi thứ hai là: "*Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN tỉnh An Giang như thế nào*?". Nghiên cứu dựa trên các hệ số tác động chuẩn hóa trong mô hình cấu trúc PLS-SEM. Trên cơ sở đó, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố được xác định theo độ lớn tuyệt đối của hệ số tác động.

Bảng 5.6. Xếp hạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số tác động chuẩn hóa	P values	Xếp hạng mức độ ảnh hưởng
H2	**PR -> PCA**	0,392	0,000	Nhất
H8	**MP -> PCA**	0,264	0,000	Nhì
H4	**SC -> PCA**	0,231	0,000	Ba
H9	**PB -> PCA**	0,076	0,008	Tư

(*Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án, 2025)*

Từ kết quả của bảng 5.6 cho thấy một cấu trúc động lực đặc thù trong bối cảnh DLNN tại địa bàn nghiên cứu khi sự tham gia của CĐĐP được quyết định mạnh trước hết bởi nguồn lực và năng lực nội tại của cá nhân, được phản ánh thông qua yếu tố vốn cá nhân. Sau đó đến môi trường thể chế hỗ trợ thông qua các cơ chế, chính sách đặc thù, tiếp đến là mạng lưới xã hội và cuối cùng mới là nhận thức về lợi ích.

5.1.3 Ảnh hưởng của nhóm nhân khẩu học đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp tỉnh An Giang

Kết quả phân tích định lượng trong chương 4 đã cho thấy các yếu tố nhân khẩu học có mức độ ảnh hưởng khác nhau đến sự tham gia của CĐĐP trong DLNN. Trong đó, trình độ học vấn thể hiện mức độ ảnh hưởng mạnh nhất (Partial $\eta^2 = 0,189$). Điều này cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa các nhóm cư dân có trình độ học vấn khác nhau trong việc tiếp cận và tham gia vào hoạt động DLNN. Tiếp đến là độ tuổi và nghề nghiệp có mức ảnh hưởng trung bình đến sự tham gia (cùng là Partial $\eta^2 = 0,060$), nguồn thu nhập chính cũng cho thấy sự khác biệt ở mức trung bình (Partial $\eta^2 = 0,057$ - tiệm cận mức trung bình), hàm ý rằng những hộ có nguồn thu nhập chính đa dạng hoặc không hoàn toàn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp có xu hướng tham gia DLNN nhiều hơn. Ở mức ảnh hưởng yếu, các yếu tố như thời gian sinh sống tại địa phương (Partial $\eta^2 = 0,017$), thu nhập hộ gia đình (Partial $\eta^2 = 0,025$) và diện tích đất sử dụng (Partial $\eta^2 = 0,023$) vẫn cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, nhưng mức độ tác động không lớn. Hai yếu tố còn lại là giới tính và số lượng thành viên hộ gia đình không tạo ra sự khác biệt đáng kể trong mức độ tham gia, có sự khác biệt với các kết quả nghiên cứu của (Bhatta & Ohe, 2019), (Abdollahzadeh & Sharifzadeh, 2012). Điều này cho thấy chính sách phát triển DLNN cần chú trọng hơn trong việc nâng cao năng lực và kỹ năng cho các nhóm có trình độ học vấn thấp, tạo cơ hội tiếp cận thông tin và đào tạo phù hợp theo độ tuổi, nghề nghiệp thay vì mở các khóa tập huấn đại trà.

5.2 Hàm ý nghiên cứu

5.2.1 Về lý thuyết

Luận án góp phần bổ sung một mô hình nghiên cứu mới trên cơ sở kết thừa và có sự điều chỉnh các yếu tố về sự tham gia của CĐĐP đặc biệt trong bối cảnh DLNN tại các nền kinh tế đang phát triển. Thứ hai, từ các bằng chứng thực nghiệm thu thập được, nghiên cứu đã xác định và mở rộng các tiếp cận truyền thống vốn tập trung nhấn mạnh về lợi ích và trao đổi xã hội, bằng cách chỉ ra rằng ngay cả khi cộng đồng nhận thức về lợi ích một cách tích cực, sự tham gia vẫn có thể không xảy ra nếu các điều kiện về quyền kiểm soát và môi trường thị trường chưa được hỗ trợ. Thứ ba, nghiên cứu làm rõ được vai trò của niềm tin vào chủ thể trung gian. Các phát hiện cho thấy niềm tin không chỉ là một thành phần của vốn xã hội, mà trong giới hạn của nghiên cứu này nó còn là cơ chế kích hoạt giúp chuyển hóa các nguồn lực vốn cá nhân,

vốn xã hội thành hành vi tham gia. Cuối cùng, thông qua kết hợp định lượng và định tính, nghiên cứu cho thấy bối cảnh thị trường DLNN bất định cao đã ảnh hưởng đáng kể đến việc nhận thức rõ hơn về lợi ích nhưng không dẫn đến kỳ vọng tích cực mà ngược lại làm gia tăng nhận thức rủi ro và tâm lý cảnh giác và xu hướng né tránh.

5.2.2 Về thực tiễn

Từ các kết quả nghiên cứu định tính và định lượng, luận án đã đưa ra các hàm ý về chính sách và quản lý nhà nước, hàm ý cho các chủ thể trung gia và cộng đồng địa phương

Tiểu kết chương 5

KẾT LUẬN

Du lịch nông nghiệp đang ngày càng được xem là một hướng phát triển có tiềm năng trong quá trình đa dạng hóa sản phẩm du lịch, khai thác hiệu quả tài nguyên bản địa và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững. Trong quá trình đó, sự tham gia của cộng đồng địa phương giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi cộng đồng không chỉ là nhóm chịu tác động từ hoạt động du lịch mà còn là chủ thể trực tiếp sở hữu nguồn lực, cung cấp dịch vụ, duy trì sinh kế nông nghiệp và góp phần tạo nên bản sắc của điểm đến. Tuy nhiên, sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp không diễn ra một cách tự phát hay đồng đều, mà chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau thuộc về điều kiện cá nhân, bối cảnh xã hội, nguồn lực tại địa phương, cơ chế chính sách và nhận thức của người dân về lợi ích mà hoạt động này mang lại.

Trong phạm vi nghiên cứu này, luận án đã góp phần bổ sung cơ sở lý luận về sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp thông qua việc hệ thống hóa các khái niệm liên quan, phân tích các cách tiếp cận lý thuyết phù hợp và xây dựng mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước và đặt trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể, luận án đã đề xuất mô hình nghiên cứu gồm các biến số chính: vốn cá nhân, vốn xã hội, nguồn lực địa phương, cơ chế chính sách, nhận thức lợi ích và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Việc xây dựng mô hình này cho phép xem xét tương đối toàn diện cơ chế tác động của các yếu tố khác nhau đến hành vi tham gia của cộng đồng trong bối cảnh phát triển du lịch nông nghiệp.

Về phương pháp nghiên cứu, luận án sử dụng thiết kế phương pháp hỗn hợp nhằm vừa kiểm định mô hình lý thuyết, vừa làm rõ chiều sâu của các kết quả thực nghiệm trong bối cảnh cụ thể. Nghiên cứu định tính được sử dụng để hỗ trợ quá trình tổng quan, bổ sung cơ sở cho việc điều chỉnh khung nghiên cứu, đồng thời khám phá sâu hơn nhận thức, điều kiện tham gia, rào cản và động lực tham gia của cộng đồng địa phương. Nghiên cứu định lượng được triển khai nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và xác định mức độ tác động của các yếu tố trong mô hình đề xuất. Các thang đo được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, kết hợp với kết quả nghiên cứu định tính và khảo sát thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp chịu tác động bởi nhiều yếu tố với mức độ và chiều tác động khác nhau. Trong đó, các yếu tố như vốn cá nhân, vốn xã hội, cơ chế chính sách và nhận thức lợi ích có vai trò quan trọng trong việc hình thành và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy không phải mọi yếu tố giả định ban đầu đều có tác động theo cùng một chiều hoặc đạt được ý nghĩa thống kê như kỳ vọng. Điều này phản ánh tính phức tạp của hành vi tham gia trong bối cảnh du lịch nông nghiệp, nơi mà quyết định tham gia của người dân không chỉ phụ thuộc vào lợi ích kỳ vọng mà còn bị chi phối bởi năng lực thực tế, sự sẵn sàng, đặc điểm sinh kế, mức độ liên kết xã hội, sự minh bạch trong hỗ trợ thể chế và những bất định của thị trường du lịch.

Bên cạnh kết quả định lượng, các phát hiện định tính đã góp phần làm rõ hơn cách thức cộng đồng địa phương nhìn nhận về du lịch nông nghiệp, về cơ hội và rủi ro khi tham gia, cũng như những điều kiện thực tế ảnh hưởng đến khả năng tham gia của họ. Dữ liệu định tính cho thấy bên cạnh các yếu tố đã được đưa vào mô hình, quyết định tham gia của cộng đồng còn gắn với những khía cạnh như tư duy sản xuất nông nghiệp truyền thống, tâm lý e ngại rủi ro, sự phụ thuộc vào các chủ thể trung gian, niềm tin vào hiệu quả thực thi chính sách, khả năng thích ứng với yêu cầu mới của thị trường và mức độ chủ động trong kết nối nguồn lực. Những phát hiện này góp phần bổ sung chiều sâu giải thích cho mô hình nghiên cứu và cho thấy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp là một quá trình

mang tính điều kiện, bối cảnh và chịu ảnh hưởng đan xen của nhiều nhân tố.

Nhìn chung, các mục tiêu nghiên cứu của luận án đã được thực hiện thông qua việc hệ thống hóa cơ sở lý luận, xây dựng và kiểm định mô hình nghiên cứu, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp, đồng thời làm rõ những biểu hiện thực tiễn của quá trình tham gia trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Trên cơ sở đó, luận án đã đóng góp nhất định cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Về lý luận, nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho hướng nghiên cứu về sự tham gia của cộng đồng địa phương trong du lịch nông nghiệp, đồng thời làm rõ hơn vai trò của một số yếu tố trong bối cảnh địa phương cụ thể. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các hàm ý quản trị và chính sách nhằm thúc đẩy sự tham gia hiệu quả, thực chất và bền vững hơn của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch nông nghiệp.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tran Thi Tuyet Van (2022), "Community participation in tourism development in Tan Chau - An Giang", *VNUHCM Journal of Social Sciences an d Humanities* 6 (3), pp.1635-1646. https://doi.org/https://doi.org/10.32508/stdjssh.v6i3.715
2. Nguyen Thi Van Hanh, Tran Thi Tuyet Van (2023), "Sustainable Tourism in the Mekong Delta: Harnessing the Potential of Agritourism", *Proceedings of The International conference on Local Economic and Tourism Development in responding positively to Digital Transformation – Opportunities and challenges in training human resources in Dak Nong province*, Nhà xuất bản Tài chính, pp. 310-320, ISBN:978-604-79-4095-0.
3. Tran Thi Tuyet Van (2024), "The overview of agritourism through the bibliometric analysis using VOSviewer", *VNUHCM Journal of Social Sciences and Humanities* 8 (3), pp. 2664-2672. https://doi.org/https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.1001
4. Van TT Tran, Anh Le Trinh (2024), "An overview of agritourism and the insights gained for Vietnam", *Proceedings of The 4th International Joint Conference on Hospitality and Tourism – Tranformative Trends Shaping the Future of Sustainable Tourism (IJCHT - 24)*, Nhà xuất bản Tài chính, pp. 145-154, ISBN:978-604-79-4564-1.
5. Tran Thi Tuyet Van (2024), "Literature review on agritourism through bibliometric analysis. An innovative method provides essential support for review studies", *Proceedings of The 3rd International Conference on Innovations in the Social Sciences and Humanities*, pp. 258-270, ISBN:978-0-9945391-7-5.
6. Tran Thi Tuyet Van, Trinh Le Anh (2025), "Factors influencing resident's participation in agritourism. Case study: Cu lao Gieng, An Giang province", *Proceedings of The International conference Responsible supply chain management in tourism*, pp. 284-295, Labor Publishing House, ISBN:978-632-03-0287-1